TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2026/HSST
Ngày 15/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Chiều
Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Nhã
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thanh Nga
2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung
3. Ông Nguyễn Hồ Phong

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Quang Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 814/2026/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 856/2025/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Diệu L, sinh ngày 14/9/1981; tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; nơi đăng ký thường trú: số A phố B, phường H, Thành phố Hà Nội; Nơi ơ: Số B N, phường V - Q, Thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Văn T và con bà Nguyễn Thị T1; Chồng Phạm Quang H, sinh năm 1979; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm: 2015; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *Có mặt.*

Đại diện theo pháp luật của bị cáo: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956; trú tại: Số B N, phường V - Q, Thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Thị Tuyết M, Công ty L4, Đoàn Luật sư Thành phố H. *Có mặt.*

- Bị hại: Ngân hàng TNHH một thành viên H15. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng

B, tòa nhà C, B L, phường N, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Minh H11, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số E phố B, phường H, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

2. Bà Đỗ Lan A, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tập thể A, V, xã T, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

3. Bà Trương Tố Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số F, ngách A, phường B, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

4. Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số A ngõ A N, B, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

5. Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: số E, ngõ E, phường K, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

6. Bà Lê Thị Tuyết L1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số I N, phường V - Q, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

7. Bà Lê Thị B, sinh năm 1967; Địa chỉ: A ngõ F, B, phường H, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

8. Ông Dương Danh H2, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số B N, phường V - Q, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

9. Bà Nguyễn Thị Hồng H3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số A, tổ A, N, phường B, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

10. Ông Trần Minh H4, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số A ngõ C N, phường V - Q, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

11. Bà Lê Hồng V1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số D, ngõ A H, phường N, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

12. Ông Nguyễn Châu K, sinh năm 1968; Địa chỉ: T Trường T8, phường B, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

13. Bà Nguyễn Thiên H5, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số A ngách B Q, phường V - Q, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

14. Ông Đỗ Quốc S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số A, Tổ A, N, phường B Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

15. Bà Nguyễn Thị Hồng H6, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tập thể T, phường H, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

16. Ông Phạm Quang H, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A B, phường H, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

17. Bà Phan Thị T2, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số F N, phường V - Q, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

18. Bà Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số A đường T, phường H, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

19. Ông Trần Trung T3, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số H N, phường V - Q,

Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

20. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số A ngõ B phường V - Q, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

21. Bà Vũ Thị H7, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tập thể A, Y, xã T, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

22. Bà Phạm Viết B1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số A phố B, phường B, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

23. Ông Lê Viết K1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số E T, phường B, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

24. Công ty Cổ phần T9; Địa chỉ: Số A phố C, phường H, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh H8, sinh năm 1971, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty; Địa chỉ: P, nhà C, H, Thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố:

Công an Thành phố H (Phòng PA82) nhận được đơn đề ngày 02/10/2014 của Ngân hàng TNHH một thành viên H15 (viết tắt là ngân hàng H15) tố cáo Phạm Minh H11 (sinh năm: 1975, trú tại: Số E phố B, phường H, Thành phố Hà Nội) và Lê Diệu L (sinh năm: 1981, trú tại: Số A phố B, phường H, Hà Nội) và một số đối tượng đã sử dụng thông tin của các cá nhân nhằm tạo chứng từ giả để chứng minh các người này là nhân viên của Công ty cổ phần T9; sau đó làm hồ sơ mở thẻ tín dụng và vay tín chấp tại ngân hàng H15 và chiếm đoạt tiền của Ngân hàng.

Quá trình điều tra đã xác định:

1. Pháp nhân Công ty:

Công ty cổ phần T9 được thành lập ngày 05/5/2008 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 102740042 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp, địa chỉ tại số A phố C, phường H, Hà Nội; Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thanh H8 – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty; Công ty có 05 cổ đông gồm: Nguyễn Thị Thanh H8, Nguyễn Thị Hương G, Bùi Quang V, Bùi Thanh P và Phạm Minh H11; Từ tháng 5/2008, Phạm Minh H11 là Trưởng phòng điều hành của công ty, có nhiệm vụ phụ trách công tác kinh doanh du lịch trong nước, quản lý và chi trả lương cho các cộng tác viên trong hoạt động dịch vụ đưa đón khách hàng, hướng dẫn viên du lịch, đặt khách sạn….

Trong số các nhân viên của Công ty cổ phần T9 có Lê Diệu L là em dâu Phạm Minh H11, H11 đưa L vào Công ty làm và là nhân viên văn phòng, làm công tác thủ quỹ, có ký hợp đồng lao động. L được hưởng lương do H11 tự trả tiền từ khoản tiền lương Công ty khoán cho H11 từng tháng.

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Trong năm 2010, lợi dụng việc là cổ đông của Công ty T9, Phạm Minh H11 tự mở tài khoản tại Ngân hàng H15 lấy tên Công ty T9 để trả tiền cho các cộng tác viên mà H11 thuê. Việc thuê các cộng tác viên, phiên dịch, hướng dẫn du lịch… và trả lương cho các cộng tác viên này, H11 được phép chi từ khoản tiền cố định mà Công ty T9 giao khoán cho H11, trường hợp nếu H11 tự đảm nhận các công việc này, không thuê các cộng tác viên, H11 được hưởng số tiền này.

Để có tiền đầu tư chứng khoán cũng như sử dụng tiền vào mục đích cá nhân, khoảng tháng 7/2010, Phạm Minh H11 và Lê Diệu L đã bàn bạc với nhau bằng cách mượn các bản sao chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, hóa đơn tiền điện, hoá đơn tiền nước… của người nhà, người quen để mở tài khoản cá nhân đứng tên những người này tại Ngân hàng H15. Sau khi mở được tài khoản, H11 đã lập các hợp đồng lao động ký giữa Công ty T9 với những người cho H11 mượn giấy tờ tuỳ thân, thực tế những người này không làm việc và không ký hợp đồng lao động với Công ty T9. Hàng tháng, H11 và L chuyển tiền vào tài khoản số 002495356041 do H11 lập mang tên Công ty T9 tại Ngân hàng H15, thông qua tài khoản này để chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của những người đã cho H11 và L mượn giấy tờ với mục đích để chứng minh những người này là nhân viên Công ty T9 được trả lương thông qua tài khoản mở tại Ngân hàng H15 để đủ điều kiện vay tín chấp và mở thẻ tại Ngân hàng. Khi đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng, H11 và L đã lập các hồ sơ để vay tín chấp và mở thẻ tín dụng để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng.

Với thủ đoạn trên, từ tháng 07/2010 đến tháng 6/2014, Phạm Minh H11 đã sử dụng giấy tờ của 32 cá nhân và của chính H11 để lập 33 hồ sơ vay tín chấp và 31 hồ sơ mở thẻ tín dụng. Tổng số tiền Ngân hàng H15 đã giải ngân từ các hồ sơ do H11 lập là 4.000.000.000 đồng, tính đến ngày 14/8/2015, dư nợ gốc vay tín chấp là 2.847.542.858 đồng, dư nợ gốc thẻ tín dụng là 965.067.074 đồng;

Lê Diệu L đã sử dụng giấy tờ của 22 cá nhân (có phụ lục kèm theo) và của chính Lê Diệu L để lập 23 hồ sơ vay tín chấp và 20 hồ sơ mở thẻ tín dụng.

Tính đến ngày 15/01/2025, số dư nợ gốc của các hồ sơ do L lập là 2.028.026.959 đồng (trong đó, dư nợ gốc vay tín chấp là 1.641.802.212 đồng, dư nợ gốc thẻ tín dụng là 386.224.747 đồng).

Tại cơ quan điều tra, các cá nhân đứng tên trên hồ sơ vay tín chấp, mở thẻ tín dụng khai: Họ không làm thủ tục vay tín chấp, không mở thẻ tín dụng tại ngân hàng H15, chữ ký trên các đơn xin vay tín chấp và mở thẻ tín dụng không

phải là chữ ký của họ. Một số cá nhân khai do có mối quan hệ họ hàng, cũng như là người thân, người quen với Phạm Minh H11 và Lê Diệu L nên họ đã cho mượn một số giấy tờ như Chứng minh thư nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu, hóa đơn tiền điện, tiền nước… Họ không biết mục đích việc H11 và L sử dụng và không được hưởng lợi.

* Tại Bản kết luận giám định số 7199 ngày 26/10/2015; số 7548 ngày 03/11/2015; số 7616 ngày 05/11/2015; số 7684 ngày 10/11/2015 và số 7920 ngày 25/11/2015 của Phòng K2 - Công an Thành phố H kết luận:

Chữ ký, chữ viết dòng họ tên trên các " Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở thẻ tài khoản cá nhân" và "Đơn đăng ký thẻ tín dụng ngân hàng H15" so với chữ ký, chữ viết của các cá nhân đã cho Nguyễn Minh H9 và Lê Diệu L mượn giấy tờ để mở thẻ tín dụng và vay tín chấp nêu trên không phải là chữ do cùng một người ký và viết ra;

Chữ ký đứng tên Lê Thị Hồng V1 trên " Đơn xin đăng ký mở thẻ tín dụng ngân hàng H15" ngày 15/10/2010; Chữ ký đứng tên Phạm Quang H trên "Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân" ngày 16/4/2012 và "Đơn đăng ký thẻ tín dụng ngân hàng H15" ngày 02/5/2012; Chữ viết đứng tên Tạ Xuân H10 trên "Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân" ngày 12/3/2012 và "Đơn đăng ký thẻ tín dụng ngân hàng H15" ngày 03/11/2011, chữ ký Tạ Xuân H10 trên "Đơn yêu cầu cung cấp tín dụng và mở tài khoản cá nhân" và "Đơn đăng ký thẻ tín dụng ngân hàng H15" so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị Hồng V1, Phạm Quang H, Tạ Xuân H10 không đủ cơ sở kết luận.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Lê Diệu L khai: Từ năm 2009, L là nhân viên của Công ty T9 do Phạm Minh H11 mời làm cộng tác viên, nhiệm vụ làm kế toán thu chi của từng đoàn du lịch và một số công việc văn phòng. Từ năm 2010 - 2014, L được H11 cho biết nếu cần tiền kinh doanh và mua sắm, lập hồ sơ xin vay tín chấp và mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng HSBC, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên L đã mượn bản phô tô CMND, sổ hộ khẩu, hóa đơn tiền điện, tiền nước… của 22 người nhà, người quen để mở tài khoản cá nhân mang tên họ, sau đó L tự ký giả chữ ký của họ trên các đơn xin vay tín chấp và mở thẻ tín dụng, L nhờ H11 lập khống hợp đồng lao động của những người L mượn giấy tờ, nhờ H11 trả lương cho những người trên qua tài khoản của Công ty T9 để đủ điều kiện mở thẻ tín dụng và vay thế chấp. Tổng số tiền Ngân hàng H15 giải ngân L đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân, hiện không có khả năng khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra gia đình Lê Diệu L và Phạm Minh H11 giao nộp cho cơ quan điều tra hồ sơ bệnh án của L và H11 về việc L và H11 đang điều trị bệnh Tâm thần.

Cơ quan điều tra xác minh xác định: Lê Diệu L điều trị tại khoa sức khỏe tâm thần Bệnh viện B2 từ ngày 31/3/2015 đến 17/4/2015, chẩn đoán triệu chứng rối loạn trầm cảm tái diễn hiện giai đoạn nặng có loạn thần; Phạm Minh H11 điều trị tại Bệnh viện T10 từ ngày 24/8/2015 đến ngày 15/9/2015 với chẩn đoán: Theo dõi Tâm thần phân liệt.

Ngày 25/5/2016, V2 - Bộ Y có kết luận giám định pháp y tâm thần Trung ương số 153 kết luận đối với Lê Diệu L:

"Trước, trong, sau khi gây án Lê Diệu L không mắc bệnh tâm thần, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Tại thời điểm giám định Lê Diệu L có biểu hiện rối loạn Stress sau sang chấn, theo bảng phân loại bệnh quốc tế lần thứ X về các rối loạn tâm thần và hành vi năm 1992, có mã số F43.1, hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi".

Tại Cáo trạng số 657/CT-VKSHN-P3, ngày 30/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Lê Diệu L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Diệu L thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo thừa nhận chiếm đoạt của bị hại số tiền 2.028.026.959 đồng (trong đó: dư nợ gốc vay tín chấp là 1.641.802.212 đồng, dư nợ thẻ tín dụng là 386.224.747 đồng). Hiện bị cáo chưa có khả năng khắc phục hậu quả.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai tại cơ quan điều tra của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Sau khi công bố, bị cáo có mặt tại phiên tòa thừa nhận họ khai đúng, không có ý kiến phản đối.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; động cơ, mục đích và nhân thân của bị cáo Lê Diệu L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Diệu L từ 12 năm đến 13 năm tù, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường trả bị hại toàn bộ số tiền còn chiếm đoạt là 2.028.026.959 đồng.

- Luật sư Lê Thị Tuyết M trình bày bào chữa cho bị cáo: đồng ý với Kiểm sát viên về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, luật sư cho rằng mức án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng là nặng đối với bị cáo, bởi có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hiện đang

nuôi 03 con nhỏ; bị cáo bị hạn chế nhận thức và hành vi. Đây là các tình tiết theo điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, luật sư M đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa. Về trách nhiệm dân sự, luật sư M đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát, xác nhận bị cáo chưa khắc phục do bị cáo đang rất khó khăn về sức khỏe và kinh tế.

- Bị cáo L nghe rõ luật sư trình bày bài bào chữa, đồng ý với quan điểm của luật sư, bị cáo không bổ sung nội dung gì.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử và Viện kiểm sát xem xét, mở lượng khoan hồng cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên; của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đã có lời khai, yêu cầu và không gây trở ngại cho việc xét xử, nên xét xử vắng mặt họ theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét về hành vi vi phạm của bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Lê Diệu L đúng với các lời khai tại Cơ quan tra điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với tang vật của vụ án cũng như các tài liệu, chứng cứ khác. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Do cần tiền để sử dụng cho mục đích cá nhân, lợi dụng là nhân viên của Công ty cổ phần T9, Lê Diệu L đã sử dụng thông tin của những cá nhân là người nhà, người thân quen để mở tài khoản đứng tên họ tại ngân hàng TNHH Một thành viên H15. Sau khi mở được tài khoản, Lê Diệu L nhờ Phạm Minh H11 là cổ đông, kiêm Trưởng phòng điều hành của Công ty T9 lập Hợp đồng lao động khống giữa Công ty T9 và những cá nhân này. Sau đó, hàng tháng H11 và L chuyển tiền vào các tài khoản này với mục đích để chứng minh những người này là nhân viên của Công ty T9 được trả lương; để chứng minh đủ điều kiện làm hồ sơ vay tín chấp và mở thẻ tín dụng với mục đích chiếm đoạt tiền của Ngân hàng H15. Với thủ đoạn trên, trong thời gian từ tháng7/2010 đến tháng 6/2014, Lê Diệu L đã sử dụng giấy tờ của 22 cá nhân và của Lê Diệu L để lập 23 hồ sơ vay

tín chấp và 20 hồ sơ mở thẻ tín dụng chiếm đoạt tổng số tiền là 2.028.026.959 đồng (trong đó dư nợ gốc vay tín chấp là 1.641.802.212 đồng, dư nợ thẻ tín dụng là 386.224.747 đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Diệu L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Diệu L sinh năm 1981. Mặc dù, ngày 25/5/2016, V2 - Bộ Y có kết luận giám định pháp y tâm thần Trung ương số 153 kết luận đối với Lê Diệu L:*"... hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi"* nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hội đồng xét xử xét hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn. Xác định hành vi phạm tội của bị cáo là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự xã hội; làm mất lòng tin giữa con người với nhau. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét:

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; nhân thân chưa tiền án, tiền sự; bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ; công việc và thu nhập không ổn định. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết tăng nặng: Không.

Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Lê Diệu L không có công việc và thu nhập ổn định, nên không áp dụng.

[4] Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự để giải quyết:

Cần buộc bị cáo trả bị hại toàn bộ số tiền còn chiếm đoạt là 2.028.026.959 đồng.

[5] Các vấn đề khác: Đối với Phạm Minh H11, quá trình điều tra xác định: H11 đã sử dụng giấy tờ của 32 cá nhân và của chính H11 để lập 33 hồ sơ vay tín chấp và 31 hồ sơ mở thẻ tín dụng. Tổng số tiền Ngân hàng H15 giải ngân từ các

hồ sơ H11 lập là 4.000.000.000 đồng, tính đến ngày 14/8/2015, dư nợ gốc vay tín chấp là 2.847.542.858 đồng, dư nợ gốc thẻ tín dụng là 965.067.074 đồng.

Tuy nhiên, ngày 14/4/2016, V2 - Bộ Y có kết luận giám định pháp y tâm thần Trung ương số 87 kết luận đối với Phạm Minh H11: "*Trước, trong khi gây án Phạm Minh H11 không mắc bệnh tâm thần. Đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; Sau khi gây án và tại thời điểm giám định Phạm Minh H11 bị bệnh giai đoạn trầm cảm nặng kèm theo các triệu chứng loạn thần. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi bệnh có mã số F32.3. Mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi".*

Tiếp tục, ngày 05/5/2025, V2 kết luận số 88, kết luận: *"Tại thời điểm giám định bị can Phạm Minh Hạnh bị rối loạn trầm cảm tái diễn, hiện tại giai đoạn nặng có các triệu chứng loạn thần. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F33.3. Bị can mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi."*

Nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự với bị can Phạm Minh H11 là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị Thanh H8 là Giám đốc Công ty T9, tài liệu điều tra xác định H8 không biết, không tham gia cùng Phạm Minh H11, Lê Diệu L lập khống hợp đồng lao động của Công ty T9 để làm hồ sơ vay tín chấp, mở thẻ tín dụng cho chiếm đoạt tiền của ngân hàng H15, do đó cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với các cá nhân đã cho Lê Diệu L mượn giấy tờ để làm hồ sơ vay tín chấp và mở thẻ tín dụng, quá trình điều tra xác định họ có quan hệ họ hàng, quen biết, nể nang nên đã cho L mượn giấy tờ nhưng không biết mục đích của L sử dụng để vay tiền và chiếm đoạt tiền vay, những cá nhân này không được hưởng lợi, nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với các cán bộ ngân hàng H15 gồm: Nguyễn Thanh T4, Hồ Thị Thu H12, Lê Huyền T5, Nguyễn Tuấn D, Trương Hùng S1, Nguyễn Anh D1, Vũ Huyền N, Đoàn Thị Thu P1, Trần Thanh P2, Nguyễn Hoài T6, Nguyễn Thị Thu H13, Lê Thị T7, Trương Hải L3, Phạm Mai H14 là những người đã được giao tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ vay tín chấp, mở thẻ tín dụng cho Công ty T9, căn cứ Điều 206 Bộ luật Hình sự và Điều 134 Luật tổ chức tín dụng quy định cụ thể về các trường hợp không được cấp tín dụng thì hành vi của các nhân viên trên không đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng nên cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện của bị cáo, người bào chữa của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Diệu L phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 32; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Lê Diệu L **13** ***(Mười ba)*** **năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Biện pháp tư pháp: *Áp dụng Điều 46; 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 584 và Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015,*

Buộc bị cáo Lê Diệu L trả cho Ngân hàng TNHH Một thành viên H15 số tiền 2.028.026.959 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo theo Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm2015 cho đến khi thi hành án xong, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: *Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức Thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,*

3.1. Bị cáo Lê Diệu L phải chịu **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Bị cáo Lê Diệu L phải chịu **72.560.539 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025,*

Bị cáo Lê Diệu L, người đại diện của bị cáo và người bào chữa của bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND, Công an, THADS Thành phố Hà Nội;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Chiều